

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/KDTM - ST
Ngày: 22 - 9 - 2021.
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đức.

Ông Nguyễn Năng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST - KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST – KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Ngày 22/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 73/2021/TLST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST - KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST – KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X; Trụ sở chính: Số xx phố LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 010068xxxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành

phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 14/02/2021.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân L - Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh ĐA, là đại diện ủy quyền theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng X về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Người được ủy quyền lại tham gia quá trình tố tụng:

1. Ông Trần Văn M - Phó giám đốc Ngân hàng X – Chi nhánh ĐA (Theo Quyết định ủy quyền lại về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 55/QĐ-NHNo.ĐA-TH ngày 19/02/2021 của Giám đốc X Chi nhánh ĐA).

2. Ông Lê Ngọc H – Giám đốc Phòng giao dịch ML thuộc Ngân hàng X – Chi nhánh ĐA (Theo Giấy ủy quyền số 386/UQ-HNNo.ĐA ngày 14/4/2021 của Giám đốc X Chi nhánh ĐA). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nghiêm Hữu D, sinh năm 1991. Có mặt tại phiên tòa.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nghiêm Hữu N, sinh năm 1968. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Z, sinh năm 1971. Vắng mặt tại phiên tòa.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 03/10/2018, Ngân hàng– Chi nhánh ĐA- PGD ML (gọi tắt là “X Chi nhánh ĐA- PGD ML”) và anh Nghiêm Hữu D đã ký Hợp đồng tín dụng 3140-LAV-201805294, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐ số: 3140LAV 201805294/PLHĐ 01 ngày 10/10/2019 với nội dung sau:

- Phương thức cho vay: theo Hạn mức tín dụng.
- Mức dư nợ cao nhất: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).
- Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh gỗ.
- Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất cho vay có điều chỉnh tối thiểu 3 tháng/lần không vượt quá không quy định lãi suất cho vay của X, phù hợp với quy định lãi suất cho vay của X chi nhánh ĐA từng thời kỳ, được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Hai bên thống nhất trong thời gian vay vốn, việc điều chỉnh lãi suất không cần hai bên ký phụ lục hợp đồng, bên A (ngân hàng) sẽ chủ động thực hiện và thông báo cho bên B (bên vay) bằng văn bản.
- Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 9%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Thời hạn của Hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng
 - Kỳ hạn trả nợ thực hiện theo phụ lục kèm theo hoặc theo từng giấy nhận nợ

Thực hiện theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201805294, X - Chi nhánh ĐA – PGD ML đã hai lần giải ngân cho anh Nghiêm Hữu D đủ số tiền vay theo hạn mức là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh Nghiêm Hữu D tại Ngân hàng là: Xe **Ô tô 7 chỗ PRADO**

- Nhãn hiệu: TOYOTA.
- Loại xe: Ô tô con.
- Màu sơn: Đồng.
- Tải trọng: Hàng hóa , Số chỗ ngồi: 7.
- Số loại: PRADO.
- Số máy: 86630142TR.
- Số khung: 3FJ80K191141.
- Dung tích: 2694.
- Đăng ký xe có giá trị đến ngày.
- Biển số đăng ký: 30A-334.xx. Đăng ký lần đầu ngày 26/09/2014.
- Giấy tờ tài sản thế chấp: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số **027197** do Phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/09/2014 (đăng ký lần đầu ngày 26/09/2014) mang tên chủ xe là ông Nghiêm Hữu N theo Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 13xx/TC/2017 ngày 04/10/2017 do Văn phòng Công chứng ĐA chứng thực. Xe ô tô này hiện gia đình ông Nghiêm Hữu N vẫn đang quản lý.

Theo đại diện Ngân hàng X xác định: Số nợ của anh Nghiêm Hữu D tại Ngân hàng tạm tính đến hết ngày ngày 02/7/2021 tại Ngân hàng X là: 2.446. 547.944 đồng (Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi tư đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 381.205.479 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 65.342.466 đồng.

Cụ thể theo từng khế ước nhận nợ gồm:

1. Khế ước nhận nợ số 3140-LDS201905173 ngày 11/4/2019:

- Nợ gốc: 500.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 95.301.369 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 16.520.548 đồng.

2. Khế ước nhận nợ số 3140-LDS201905259 ngày 12/4/2019:

- Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 285.904.109 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 65.342.466 đồng.

Ngân hàng đề nghị anh D phải hoàn trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ của anh với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018), tính đến hết ngày 02/7/2021 là: 2.446. 547.944 đồng (Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi tư đồng) và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018) trên số nợ gốc kể từ ngày 03/7/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng X.

Nếu anh D không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018) cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Việc xử lý tài sản để thu hồi nợ thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

Đối với đề nghị của anh D xin miễn giảm lãi thì Ngân hàng chỉ xem xét khi người vay tắt toán khoản vay.

Đối với yêu cầu đề nghị thêm thời gian để trả nợ Ngân hàng tạo điều kiện cho anh D thêm thời gian đến ngày 31/12/2021 anh phải có trách nhiệm tắt toán khoản vay nhưng sẽ có lộ trình trả nợ cho phù hợp. Tuy nhiên, lộ trình anh D đưa ra không phù hợp nên Ngân hàng giữ nguyên toàn bộ các ý kiến, yêu cầu trong đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ngoài ra Ngân hàng X không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn trình bày: Anh không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập gì, nhất trí với số nợ của anh với Ngân hàng X theo như Ngân hàng đã xác định trong đơn khởi kiện tại Tòa án và trong quá trình làm việc tại Tòa án. Anh vay Ngân hàng bằng Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018) có đảm bảo bằng động sản là: Xe *Ô tô 7 chỗ PRADO*

- Nhãn hiệu: TOYOTA.

- Loại xe: Ô tô con.

- Màu sơn: Đồng.
- Tải trọng: Hàng hóa , Số chỗ ngồi: 7.
- Số loại: PRADO.
- Số máy: 86630142TR.
- Số khung: 3FJ80K191141.
- Dung tích: 2694.
- Đăng ký xe có giá trị đến ngày.
- Biển số đăng ký: 30A-334.xx. Đăng ký lần đầu ngày 26/09/2014.

- Giấy tờ tài sản thế chấp: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số **027197** do Phòng cảnh sát giao thông - ông an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/09/2014 (đăng ký lần đầu ngày 26/09/2014) mang tên chủ xe là ông Nghiêm Hữu N theo Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 13xx/TC/2017 ngày 04/10/2017 do Văn phòng Công chứng ĐA chứng thực. Xe ô tô này hiện gia đình anh D vẫn đang quản lý.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, anh đã được giải ngân và nhận đầy đủ số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng chẵn). Anh đã được người đại diện Ngân hàng X cho xem bản kê tính nợ gốc và nợ lãi của anh với Ngân hàng tính đến hết ngày 02/7/2021 xác định, tổng số tiền anh còn nợ Ngân hàng X là: 2.446.547.944 đồng (Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi tư đồng). Anh nhất trí về số nợ trên.

Anh đề nghị Ngân hàng X miễn giảm một phần lãi cho anh và cho anh thêm thời gian để thu xếp tiền trả nợ cho Ngân hàng theo đề xuất về phương thức thanh toán và lộ trình trả nợ do bố anh là ông N trình bày. Nếu hết thời hạn Ngân hàng gia hạn mà anh không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc của anh với Ngân hàng thì gia đình anh chấp nhận để Ngân hàng X kê biên tài sản của gia đình anh đã thế chấp để thu hồi các khoản nợ trên. Anh đề nghị Ngân hàng nếu anh trả tiền thì ưu tiên trừ vào nợ gốc trước cho anh để giảm sự khó khăn. Khoản vay tại Ngân hàng do anh đứng tên vay, gia đình anh cùng nhau sử dụng để kinh doanh nhưng gia đình anh sẽ tự giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh chịu theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nghiêm Hữu N trình bày: Ông không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập gì, nhất trí với số nợ của anh D với Ngân hàng X theo như Ngân hàng đã xác định trong đơn khởi kiện tại Tòa án và trong quá trình làm việc tại Tòa án. Ông nhất trí với toàn bộ các ý kiến, yêu cầu mà anh D đã trình bày chỉ đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi cho gia đình ông

để gia đình cố gắng thu xếp trả nợ cho Ngân hàng và ông đề xuất phương thức thanh toán nợ như sau: Gia đình ông bàn giao xe là tài sản thế chấp cho Ngân hàng để Ngân hàng bán và theo như Ngân hàng đã định giá tài sản của gia đình ông lúc vay là 2.000.000.000 đồng, vay được ba năm nên trừ bớt phần khấu hao hợp lý còn lại số nợ là bao nhiêu ông sẽ thanh toán thay cho con ông. Ngoài ra, ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bích Z Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, đến nhà không gặp nên không ghi được lời khai.

Tại phiên tòa ngày 22/9/2012, người đại diện của Ngân hàng X xác định: Tính đến hết ngày 21/9/2021, anh Nghiêm Hữu D còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền: 2.507.205.479 đồng (Hai tỷ, năm trăm linh bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 421.643.835 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 85.561.644 đồng.

Cụ thể theo từng khế ước nhận nợ gồm:

1. Khế ước nhận nợ số 3140-LDS201905173 ngày 11/4/2019:

- Nợ gốc: 500.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 105.410.958 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 21.575.342 đồng.

2. Khế ước nhận nợ số 3140-LDS201905259 ngày 12/4/2019:

- Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 316.232.876 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 63.986.301 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ kiện. Đối với khoản vay của anh D có chia tỷ lệ phần có tài sản bảo đảm và phần không có tài sản bảo đảm nên đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Anh D xác định anh đứng tên vay trên hợp đồng tín dụng nhưng tiền giải ngân từ Ngân hàng đều do bố mẹ anh sử dụng để kinh doanh nên bố mẹ anh sẽ có trách nhiệm trả nợ.

Ông N xác định: Vợ ông không có mặt tại phiên tòa vì đã có ông đại diện trình bày cho cả vợ ông. Số tiền anh D vay tại Ngân hàng đều do ông bà sử dụng để kinh doanh và thế chấp bằng xe ô tô của vợ chồng ông, đăng ký đứng tên ông.

Gia đình ông cũng muốn thu xếp trả nợ nhưng do dịch bệnh làm ăn khó khăn nên chưa thu xếp được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa sau khi nhận xét, đánh giá quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đã xác định:

Căn cứ Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, 325, 357, 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng X đối với anh Nghiêm Hữu D.

Anh Nghiêm Hữu D phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Z, đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Z và giành quyền kháng cáo cho họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018): Ngân hàng X đã cung cấp các tài liệu thể hiện việc ký kết, nội dung các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện, vi phạm hợp đồng tín dụng của anh Nghiêm Hữu D, các đương sự đều nhất trí, không có ý kiến gì khác. Ngân hàng X và anh D đều có đầy đủ tư cách pháp nhân và năng lực hành vi dân sự tại thời điểm các bên giao kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên. Khi tham gia giao kết Hợp đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc, việc thực hiện giao dịch là hoàn toàn tự nguyện. Các điều

khoản thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018) là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, phù hợp pháp luật nên các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng được pháp luật thừa nhận và có hiệu lực giữa các bên tham gia ký kết, bao gồm các thỏa thuận về lãi suất, lãi suất quá hạn. Theo bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi do Ngân hàng cung cấp và yêu cầu phía bị đơn trả nợ, qua xem xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X và buộc anh Nghiêm Hữu D phải thanh toán cho Ngân hàng X số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 21/9/2021 là: 2.507.205.479 đồng (Hai tỷ, năm trăm linh bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 421.643.835 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 85.561.644 đồng.

Cụ thể theo từng khế ước nhận nợ gồm:

1. Khế ước nhận nợ số 3140-LDS201905173 ngày 11/4/2019:

- Nợ gốc: 500.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 105.410.958 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 21.575.342 đồng.

2. Khế ước nhận nợ số 3140-LDS201905259 ngày 12/4/2019:

- Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 316.232.876 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 63.986.301 đồng.

Anh Nghiêm Hữu D phải tiếp tục chịu lãi trên dư nợ gốc tính từ ngày 22/9/2021 theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Mức lãi suất quá hạn mà anh D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng X theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng X theo thỏa thuận về cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018).

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với các tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho các khoản vay của anh Nghiêm Hữu D theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018), ông Nghiêm Hữu N và bà Nguyễn Thị Bích Z đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 13xx/TC/2017 ngày 04/10/2017 do Văn phòng Công chứng Đông Anh chứng thực đối với tài sản là: Xe *Ô tô 7 chỗ PRADO*

- Nhãn hiệu: TOYOTA.

- Loại xe: Ô tô con.

- Màu sơn: Đồng.

- Tải trọng: Hàng hóa , Số chỗ ngồi: 7.

- Số loại: PRADO.

- Số máy: 86630142TR.

- Số khung: 3FJ80K191141.

- Dung tích: 2694.

- Đăng ký xe có giá trị đến ngày.

- Biển số đăng ký: 30A-334.xx. Đăng ký lần đầu ngày 26/09/2014.

- Giấy tờ tài sản thế chấp: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số **027197** do Phòng cảnh sát giao thông -Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/09/2014 (đăng ký lần đầu ngày 26/09/2014) mang tên chủ xe là ông Nghiêm Hữu N bằng Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết tại văn phòng công chứng, đảm bảo trình tự theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện các bên không ai có ý kiến tranh chấp liên quan đến hợp đồng thế chấp nêu trên.

Khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tài sản thế chấp thể hiện: Tài sản thế chấp vẫn đang được gia đình ông Nghiêm Hữu N quản lý.

Theo thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2019.02079 ngày 16/4/2019 thể hiện: Cho vay có bảo đảm bằng tài sản là 75% trên tổng hạn mức tín dụng được cấp tại Ngân hàng; Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản là 25% trên tổng hạn mức tín dụng được cấp tại Ngân hàng. Như vậy trong số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng có một phần là khoản vay không có tài sản bảo đảm và một phần là khoản vay có tài sản bảo đảm. Theo nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 13xx/TC/2017 ngày 04/10/2017 do Văn phòng Công chứng ĐA chứng thực thể hiện: Tài sản bảo đảm là: Xe *Ô tô 7 chỗ PRADO*, biển số đăng ký: 30A-334.xx dùng để đảm bảo cho khoản nghĩa vụ trả nợ của anh D theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Ngân hàng bao gồm nợ gốc, lãi

trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan nếu có, trong đó số tiền gốc là: 1.500.000.000 đồng.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản nợ nêu trên để thu hồi khoản nợ trong phạm vi bảo đảm đã được xác định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tổng tài sản tranh chấp là 2.507.205.479 đồng (Hai tỷ, năm trăm linh bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng). Án phí là: $72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (2.507.205.479 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 82.144.109 \text{ đồng}$ (Tám mươi hai triệu, một trăm bốn mươi tư nghìn, một trăm linh chín đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Nghiêm Hữu D phải chịu toàn bộ án phí.

Ngân hàng X được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu tiền án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là: 39.674.000 đồng (ba mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045xxx ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 351, 353, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Các Điều 90, 92, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Ngân hàng Nhà nước;
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với anh Nghiêm Hữu D về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018).

Tính đến hết ngày 21/9/2021, anh Nghiêm Hữu D còn nợ Ngân hàng X số tiền: 2.507.205.479 đồng (Hai tỷ, năm trăm linh bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 421.643.835 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 85.561.644 đồng.

Cụ thể theo từng khế ước nhận nợ gồm:

1. Khế ước nhận nợ số 3140-LDS201905173 ngày 11/4/2019:

- Nợ gốc: 500.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 105.410.958 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 21.575.342 đồng.

2. Khế ước nhận nợ số 3140-LDS201905259 ngày 12/4/2019:

- Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 316.232.876 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 63.986.301 đồng.

[2] Buộc anh Nghiêm Hữu D phải thanh toán cho Ngân hàng X tổng số tiền tính đến hết ngày 21/9/2021 là: 2.507.205.479 đồng (Hai tỷ, năm trăm linh bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng). Anh Nghiêm Hữu D phải tiếp tục chịu lãi trên dư nợ gốc tính từ ngày 22/9/2021 theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Mức lãi suất quá hạn mà anh D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng X theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng X theo thỏa thuận về cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 10/10/2019 (Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.05294 ngày 03/10/2018).

[3] Trường hợp anh Nghiêm Hữu D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm: Xe **Ô tô 7 chỗ PRADO**

- Nhãn hiệu: TOYOTA.
- Loại xe: Ô tô con.
- Màu sơn: Đồng.
- Tải trọng: Hàng hóa , Số chỗ ngồi: 7.
- Số loại: PRADO.
- Số máy: 86630142TR.
- Số khung: 3FJ80K191141.
- Dung tích: 2694.
- Đăng ký xe có giá trị đến ngày.
- Biển số đăng ký: 30A-334.xx. Đăng ký lần đầu ngày 26/09/2014.

- Giấy tờ tài sản thế chấp: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số **027197** do Phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/09/2014 (đăng ký lần đầu ngày 26/09/2014) mang tên chủ xe là ông Nghiêm Hữu N theo Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 13xx/TC/2017 ngày 04/10/2017 do Văn phòng Công chứng ĐA chứng thực. Phạm vi bảo đảm tính đến hết ngày 21/9/2021 là:

- Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 316.232.876 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 63.986.301 đồng.

Tổng cộng: 1.880.219.177 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng) và các khoản lãi phát sinh từ ngày 22/9/2021 trên dư nợ gốc thực tế thuộc phạm vi bảo đảm theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Việc xử lý các tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

Số nợ gốc và lãi mà anh D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X và không có tài sản bảo đảm tính đến hết ngày 21/9/2021 gồm:

- Nợ gốc: 500.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 105.410.958 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 21.575.342 đồng.

Tổng cộng: 626.986.300 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Anh Nghiêm Hữu D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 82.144.109 đồng (Tám mươi hai triệu, một trăm bốn mươi tư nghìn, một trăm linh chín đồng).

Ngân hàng X được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu tiền án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là: 39.674.000 đồng (ba mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045xxx ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo về phần quyền lợi, nghĩa vụ của mình có liên quan./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh